

BẢNG GIÁ THỦ THUẬT

STT	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ BHYT (TT13)	GIÁ KHÔNG BHYT (NQ 15)	GHI CHÚ
1	Mai hoa châm	65,300	65,300	
2	Hào châm	65,300	65,300	
3	Mãng châm	72,300	72,300	
5	Nhĩ châm	65,300	65,300	
6	Điện châm (Có kim dài)	74,300	74,300	
7	Điện châm (Kim ngắn)	67,300	67,300	
8	Thủy châm	66,100	66,100	
9	Cây chỉ	143,000	143,000	
10	Ôn châm (Kim ngắn)	65,300	65,300	
11	Ôn châm (Có kim dài)	72,300	72,300	
12	Cứu	35,500	35,500	
13	Từ châm	65,300	65,300	
14	Laser châm	47,400	47,400	
	Giá BHYT thanh toán đối với Laser châm	34,000	34,000	
15	Laser chiếu ngoài	34,000	34,000	
16	Kéo nắn cột sống cổ	45,300	45,300	
17	Kéo nắn cột sống thắt lưng	45,300	45,300	
18	Xông thuốc bằng máy	42,900	42,900	
19	Điều trị bằng sóng ngắn	34,900	34,900	
20	Điều trị bằng vi sóng	34,900	34,900	
21	Điều trị bằng từ trường	38,400	38,400	
22	Điều trị bằng siêu âm	45,600	45,600	
23	Điều trị bằng tia hồng ngoại	35,200	35,200	
24	Điều trị bằng Laser công suất thấp	47,400	47,400	
25	Điều trị bằng Parafin	42,400	42,400	
26	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	61,400	61,400	
27	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	45,800	45,800	

STT	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ BHYT (TT13)	GIÁ KHÔNG BHYT (NQ 15)	GHI CHÚ
28	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	45,300	45,300	
29	Kỹ thuật xoa bóp vùng	41,800	41,800	
30	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	50,700	50,700	
31	Tập điều hợp vận động	46,900	46,900	
32	Tập vận động thụ động	46,900	46,900	
33	Tập vận động có trợ giúp	46,900	46,900	
34	Tập vận động có kháng trở	46,900	46,900	
35	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	53,600	53,600	
36	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	243,000	243,000	
37	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	12,500	12,500	
38	Xông hơi thuốc	42,900	42,900	
39	Xông khói thuốc	37,900	37,900	
40	Sắc thuốc thang	12,500	12,500	
41	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	49,400	49,400	
42	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	49,400	49,400	
43	Đặt thuốc YHCT	45,400	45,400	
44	Chườm ngải	35,500	35,500	
45	Luyện tập dưỡng sinh	23,800	23,800	
46	Lấy dị vật âm đạo	573,000	573,000	
47	Soi cổ tử cung	61,500	61,500	
48	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	42,300	42,300	
49	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	46,900	46,900	
50	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	46,900	46,900	
51	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	46,900	46,900	
52	Tập đi với thanh song song	29,000	29,000	
53	Tập đi với khung tập đi	29,000	29,000	
54	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	29,000	29,000	
55	Tập đi với gậy	29,000	29,000	
56	Tập đi với bàn xương cá	29,000	29,000	

STT	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ BHYT (TT13)	GIÁ KHÔNG BHYT (NQ 15)	GHI CHÚ
57	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	29,000	29,000	
58	Tập lên, xuống cầu thang	29,000	29,000	
59	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	29,000	29,000	
60	Tập đi với chân giả trên gôi	29,000	29,000	
61	Tập đi với chân giả dưới gôi	29,000	29,000	
62	Tập đi với khung treo	29,000	29,000	
63	Tập vận động trên bóng	29,000	29,000	
64	Tập trong bồn bóng nhỏ	29,000	29,000	
65	Tập tạo thuận thân kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	46,900	46,900	
66	Tập với thang tường	29,000	29,000	
67	Tập với giàn treo các chi	29,000	29,000	
68	Tập với ròng rọc	11,200	11,200	
69	Tập với dụng cụ quay khớp vai	29,000	29,000	
70	Tập với dụng cụ chèo thuyền	29,000	29,000	
71	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	11,200	11,200	
72	Tập với xe đạp tập	11,200	11,200	
73	Tập với bàn nghiêng	29,000	29,000	
74	Tập các kiểu thở	30,100	30,100	
75	Tập ho có trợ giúp	30,100	30,100	
76	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	302,000	302,000	
77	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	29,000	29,000	
78	Tập tri giác và nhận thức	41,800	41,800	
79	Tập nuốt (sử dụng máy)	158,000	158,000	
80	Tập nuốt	128,000	128,000	
81	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống	146,000	146,000	
82	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tùy sống	203,000	203,000	
83	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	134,000	134,000	
84	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	65,500	65,500	
85	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	65,500	65,500	

STT	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ BHYT (TT13)	GIÁ KHÔNG BHYT (NQ 15)	GHI CHÚ
86	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	65,500	65,500	
87	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	65,500	65,500	
88	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	65,500	65,500	
89	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	65,500	65,500	
90	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	65,500	65,500	
91	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	65,500	65,500	
92	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	65,500	65,500	
93	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	65,500	65,500	
94	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	65,500	65,500	
95	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	65,500	65,500	
96	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khuru giác	65,500	65,500	
97	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	65,500	65,500	
98	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	65,500	65,500	
99	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	65,500	65,500	
100	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	65,500	65,500	
101	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	65,500	65,500	
102	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	65,500	65,500	
103	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	65,500	65,500	
104	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	65,500	65,500	
105	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	65,500	65,500	
106	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	65,500	65,500	
107	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	65,500	65,500	
108	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	65,500	65,500	
109	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	65,500	65,500	
110	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	65,500	65,500	
111	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	65,500	65,500	
112	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	65,500	65,500	
113	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	65,500	65,500	
114	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	65,500	65,500	

STT	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ BHYT (TT13)	GIÁ KHÔNG BHYT (NQ 15)	GHI CHÚ
115	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	65,500	65,500	
116	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	65,500	65,500	
117	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	65,500	65,500	
118	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	65,500	65,500	
119	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	65,500	65,500	
120	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	65,500	65,500	
121	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hoá khớp	65,500	65,500	
122	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	65,500	65,500	
123	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	65,500	65,500	
124	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	65,500	65,500	
125	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	65,500	65,500	
126	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	65,500	65,500	
127	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	65,500	65,500	
128	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	65,500	65,500	
129	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	65,500	65,500	
130	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương	65,500	65,500	
131	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	65,500	65,500	
132	Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO2, cắt bỏ thương tổn	682,000	682,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.
133	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO2	333,000	333,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.
134	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO2	333,000	333,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.

STT	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ BHYT (TT13)	GIÁ KHÔNG BHYT (NQ 15)	GHI CHÚ
135	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO2	333,000	333,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.
136	Điều trị dày sừng da đầu bằng Laser CO2	333,000	333,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.
137	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO2	333,000	333,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.
138	Điều trị sản cục bằng Laser CO2	333,000	333,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.
139	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO2	333,000	333,000	Giá tính cho mỗi đơn vị là 5 thương tổn hoặc 5 cm ² diện tích điều trị.
140	Điều trị đau do zona bằng chiếu Laser Hé- Né	213,000	213,000	
141	Điều trị chứng tăng sắc tố bằng IPL	453,000	453,000	
142	Điều trị trứng cá bằng IPL	453,000	453,000	
143	Đặt ống nội khí quản	568,000	568,000	
144	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	20,400	20,400	
145	Thông bàng quang	90,100	90,100	
146	Thụt tháo	82,100	82,100	
147	Vận động trị liệu hô hấp	30,100	30,100	
148	Hút đờm hầu họng	11,100	11,100	
149	Rửa bàng quang	198,000	198,000	
150	Đặt ống thông dạ dày	90,100	90,100	
151	Đặt ống thông hậu môn	82,100	82,100	
152	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	82,100	82,100	

STT	TÊN DỊCH VỤ	GIÁ BHYT (TT13)	GIÁ KHÔNG BHYT (NQ 15)	GHI CHÚ
153	Thụt tháo phân	82,100	82,100	
154	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	28,500	28,500	
155	Tập do cứng khớp	45,700	45,700	
156	Điều trị bằng điện phân thuốc	45,400	45,400	
157	Điều trị bằng các dòng điện xung	41,400	41,400	
158	Điều trị bằng sóng xung kích	61,700	61,700	